

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2022
và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường năm 2022; Khoản 3 Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị quyết số 85/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch tổ chức các Kỳ họp thường lệ năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023, cụ thể như sau:

I. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1. Môi trường không khí:

a) *Hiện trạng:*

- Mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn trên địa bàn tỉnh Kon Tum 9 tháng đầu năm 2022 được thực hiện tại 20 vị trí theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021. Trong đó, kế thừa 06 vị trí quan trắc đã thực hiện giai đoạn trước đây theo Quyết định số 1340/QĐ-UB ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; điều chỉnh 05 vị trí quan trắc đã thực hiện giai đoạn trước cho phù hợp với điều kiện quan trắc thực tế hiện nay và bổ sung 09 điểm quan trắc mới.

- Kết quả quan trắc 9 tháng đầu năm (TĐN) 2022: *Biểu số 23 Phụ lục B kèm theo.*

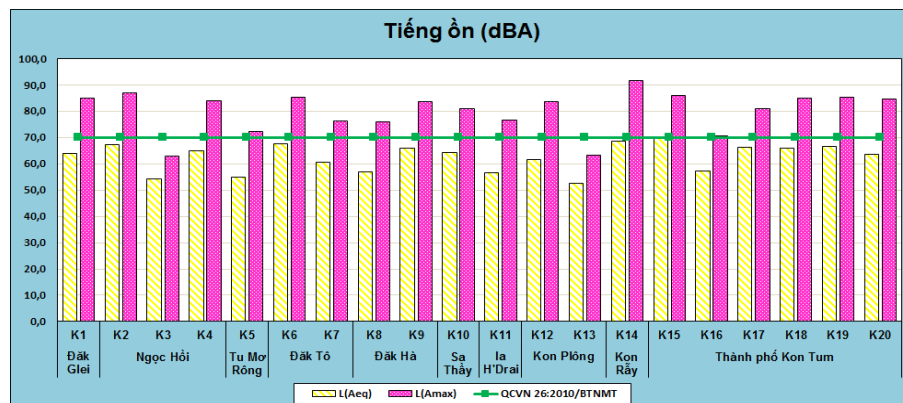
* *Nhận định hiện trạng môi trường không khí:* Qua kết quả quan trắc môi trường không khí 9 tháng đầu năm 2022, cho thấy chất lượng không khí trên địa bàn tỉnh khá tốt và ổn định, tất cả các thông số quan trắc tại 20/20 vị trí đại diện trên địa bàn 10 huyện, thành phố đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Không có các điểm nóng về ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh. Đối với nồng độ bụi PM₁₀ trong môi trường không khí là thông số quan trắc trong mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 -2025 định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, tuy nhiên việc quan trắc thông số này chưa được triển khai thực hiện do chi phí cao, nguồn kinh phí quan trắc không đủ thực hiện nên đối với nồng độ này do đó chưa có cơ sở đánh giá.

b) Diễn biến: Chất lượng môi trường không khí 9 tháng đầu năm 2022 so với 9 tháng đầu năm 2021 (06 vị trí cũ). Kết quả như sau:

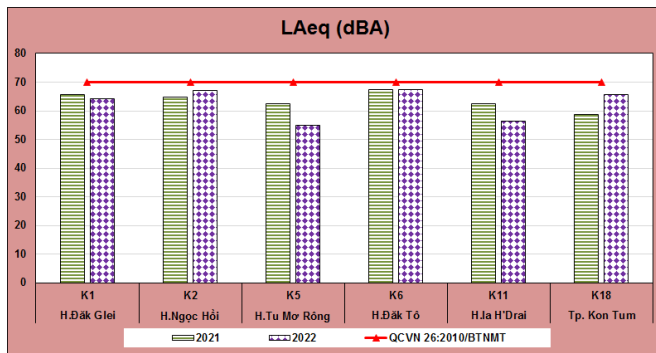
- Nhiệt độ: Có 05 vị trí có kết quả giảm 1,05 - 1,24 lần, 01 vị trí tăng 1,08 lần.
- Độ ẩm: Có 01 vị trí tăng 1,14 lần, 05 vị trí giảm 1,27 - 1,37 lần.
- Bụi lơ lửng: Có 02 vị trí có kết quả tăng 1,04 và 1,3 lần, còn 04 vị trí còn giảm khoảng 1,29 - 1,41 lần.
- Thông số SO_2 : Có 04/06 vị trí tăng khoảng 1,2 - 1,6 lần, 02 vị trí thấp hơn giới hạn phát hiện.
- Thông số NO_2 : Tại 04/6 vị trí tăng khoảng 1,4 - 2,1 lần, 02 vị trí thấp hơn giới hạn phát hiện.
- Thông số CO: Tại 06/06 vị trí có giá trị thấp hơn giới hạn phát hiện.
- Tiếng ồn:
 - + Mức âm tương đương (L_{Aeq}): Giá trị L_{Aeq} có 02 vị trí tăng khoảng 1,04 – 1,10 lần, 04 vị trí giảm khoảng 1,02 - 1,10 lần.
 - + Mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}): tại 03 vị trí quan trắc tăng khoảng 1,06 - 1,09 lần, còn 03 vị trí quan trắc còn lại giảm khoảng 1,03 - 1,08 lần.

* **Nhận định diễn biến chất lượng môi trường không khí:** Trên cơ sở diễn biến chất lượng không khí so với năm trước, các thông số quan trắc môi trường không khí có biến đổi (có tăng giảm) tuy nhiên đều thấp hơn QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Riêng đối với mức âm tương đương cực đại kết quả quan trắc cao so với năm trước, nguyên nhân: do hoạt động phát triển đô thị, lưu thông của các phương tiện vận tải, vận chuyển trên các tuyến đường, đặc biệt tại các khu vực có mật độ phương tiện giao thông lớn.

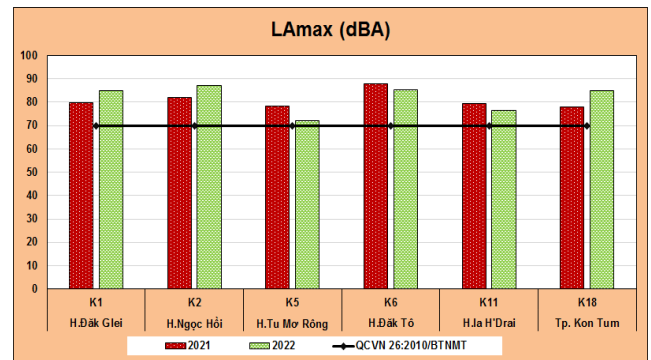
c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



Biểu đồ 1: Giá trị tiếng ồn (L_{Aeq} và L_{Amax}) trung bình 9 tháng đầu năm 2022



Biểu đồ 2: Diễn biến giá trị tiếng ồn (L_{Aeq}) trung bình 9 TĐN 2021, 2022



Biểu đồ 3: Diễn biến giá trị tiếng ồn (L_{Amax}) trung bình 9 TĐN 2021, 2022

2. Môi trường nước (nước mặt)

a) Hiện trạng:

- Mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện tại 20 vị trí trên lưu vực các sông (Sông Đăk Bla, sông Sê San, sông Đăk Psi, sông Pô Kô, sông Sa Thầy, sông Đăk S'Nghé) theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt⁽¹⁾.

- Kết quả quan trắc 9 tháng đầu năm 2022: *Biểu 25 Phụ lục B kèm theo*

* *Nhận định hiện trạng môi trường nước mặt:* Từ kết quả quan trắc môi trường nước mặt 9 tháng đầu năm 2022 trên các lưu vực sông chính thuộc địa bàn tỉnh Kon Tum, khi so sánh với giá trị giới hạn của các thông số quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cho thấy đa số các thông số tại các điểm quan trắc chất lượng nước mặt có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Tuy nhiên có một số thông số tại các vị trí vượt giới hạn cho phép tại cột B₂ của QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B₂: Nước dùng cho mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp), cụ thể:

- Thông số TSS: Tại 05 vị trí có giá trị vượt cột B₂ của QCVN 08-MT:2015/BTNMT từ 1,01 - 1,77 lần.

- Thông số Fe: Tại 11 vị trí có giá trị vượt cột B₂ của QCVN 08-MT:2015/BTNMT từ 1,08 - 3 lần.

b) Diễn biến: Chất lượng môi trường nước mặt 9 tháng đầu năm 2022 so với 9 tháng đầu năm 2021. Kết quả như sau:

- Thông số nhiệt độ: Tại 02 vị trí giá trị pH giảm lần lượt 1,02 và 1,01 lần, các vị trí còn lại tăng từ 1,003 - 1,12 lần.

¹ Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19/8/2021. Trong đó, kế thừa 04 vị trí quan trắc đã thực hiện giai đoạn trước đây theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 và Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh; điều chỉnh 06 vị trí quan trắc đã thực hiện giai đoạn trước đây cho phù hợp với điều kiện quan trắc thực tế hiện nay và bổ sung 10 điểm quan trắc mới

- Thông số pH: Tại 01 vị trí giá trị pH giảm 1,01 lần, các vị trí còn lại tăng từ 1,01 - 1,09 lần.

- Thông số DO: Giá trị DO giảm từ 1,04 - 1,17 lần.

- Thông số COD: Tại 02 vị trí giá trị COD giảm từ 1,22 - 1,5 lần, tại 03 vị trí giá trị COD tăng từ 1,05 - 1,58 lần.

- Thông số BOD: Tại 02 vị trí giá trị BOD tăng lần lượt 1,07 và 1,39 lần, tại 03 vị trí giá trị BOD giảm từ 1,04 - 1,73 lần.

- Thông số NO_3^- : Giá trị NO_3^- đều giảm từ 1,03 - 1,39 lần.

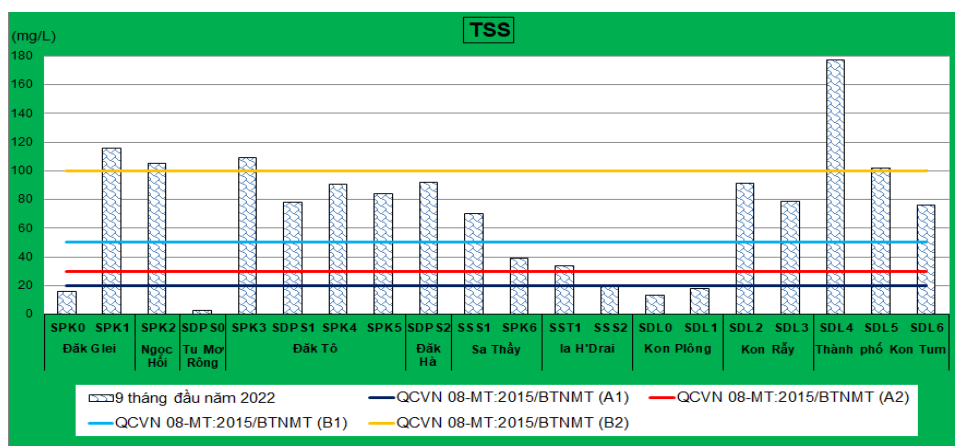
- Thông số NH_4^+ : Tại 02 vị trí giá trị NH_4^+ tăng từ 4,83 - 17,9 lần, tại 03 vị trí giá trị NH_4^+ giảm từ 2,04 - 3,04 lần.

- Thông số PO_4^{3-} : Tại 01 vị trí giá trị PO_4^{3-} giảm là 3,28 lần, các vị trí còn lại tăng từ 1,08 - 7,36 lần.

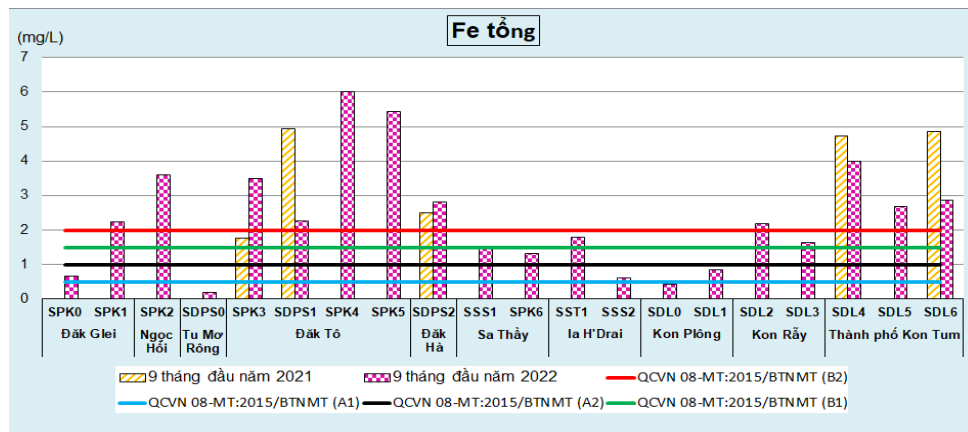
- Thông số Fe: Tại 02 vị trí giá trị Fe tăng 2,01 và 1,13 lần, tại 03 vị trí giảm từ 1,18 - 2,2 lần.

* *Nhận định diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước:* Trên cơ sở diễn biến chất lượng nước mặt so với năm trước, hầu hết giá trị các thông số trong môi trường nước mặt nằm trong giới hạn cho phép cột A₁, A₂ của QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh phù hợp cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Khuyến cáo người dân, các cơ sở thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp để đảm bảo các mục đích sử dụng nước, đặc biệt tại những vị trí phát hiện ô nhiễm có sử dụng nước mặt cho mục đích sinh hoạt. Tiếp tục theo dõi thêm kết quả quan trắc các thông số TSS, Fe tổng (có giá trị vượt cột B₂ của QCVN 08-MT:2015/BTNMT) trong những đợt quan trắc tiếp theo nhằm kiểm soát các nguồn ô nhiễm có khả năng gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



Biểu đồ 4: Chất lượng nước mặt – Kết quả quan trắc thông số TSS trung bình 9 TĐN 2022



Biểu đồ 5: Chất lượng nước mặt – Diễn biến thông số Fe tổng trung bình 9 TĐN 2021, 2022

3. Môi trường đất

- Khu vực ô nhiễm môi trường đất bị ô nhiễm do tồn lưu chất độc hóa học: không phát sinh khu vực mới bị ô nhiễm do tồn lưu chất độc hóa học. Trên địa bàn tỉnh có 3 điểm bị ô nhiễm môi trường đất do tồn lưu chất độc hóa học, thuộc các xã Sa Loong (*huyện Ngọc Hồi*), Rờ Kơi, Mô Rai (*huyện Sa Thầy*), diện tích khu vực bị ô nhiễm 30ha. Số lượng khu vực bị ô nhiễm môi trường tồn lưu đã được xử lý 01 điểm với diện tích 10ha (*xã Mô Rai, huyện Sa Thầy*).

- Quan trắc môi trường đất

a) Hiện trạng

- Mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum 9 tháng đầu năm 2022 được thực hiện tại 08 vị trí, 11 thông số (02 đợt vào quý I/2022 và quý III/2022) theo mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt⁽²⁾. Trong 08 vị trí thực hiện quan trắc 9 tháng đầu năm 2022 có 03 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu nhiều tác động của các hoạt động sản xuất công nghiệp và 05 vị trí đại diện cho khu vực môi trường chịu tác động của sản xuất nông nghiệp.

- Kết quả quan trắc 9 tháng đầu năm 2022: *Biểu số 27 Phụ lục B kèm theo.*

* *Nhận định hiện trạng môi trường đất:* Kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất 9 tháng đầu năm 2022 cho thấy chất lượng đất năm nay có xu hướng ổn định, không bị ô nhiễm bởi các thông số kim loại nặng tại 07/08 có nồng độ thấp đạt giới hạn cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT (tại 01 vị trí có giá trị Cr cao hơn ngưỡng cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT khoảng 1,249 lần); đối với vùng đất chịu ảnh hưởng bởi hoạt động nông nghiệp, công nghiệp tại 08 vị trí quan trắc cho thấy chỉ số pH (H₂O) và pH (KCl) từ chua nhẹ đến trung tính; đối với hàm lượng dinh dưỡng N tổng (02 vị trí) chịu ảnh hưởng bởi hoạt động nông nghiệp và P tổng (06 vị trí) chịu ảnh hưởng bởi hoạt động nông nghiệp, công nghiệp không ổn định, không đạt khoảng giới hạn của TCVN 7373:2004, TCVN

² Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19/8/2021. Trong đó, kế thừa 03 vị trí quan trắc đã thực hiện giai đoạn trước đây theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 11/12/2008 và Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh và bổ sung 05 điểm quan trắc mới

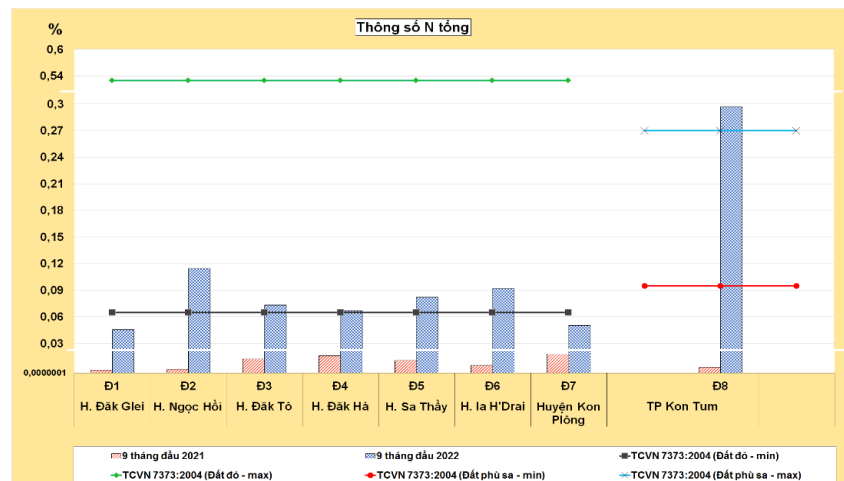
7374:2004. Giá trị của N tổng, P tổng thay đổi có thể do chịu tác động từ quá trình canh tác, cải tạo đất, hoạt động dân sinh. Do đó, để khai thác và sử dụng đất có hiệu quả hơn trong thời gian tới cần có các biện pháp cải tạo, bón phân hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh tế.

b) Diễn biến: Chất lượng môi trường nước mặt 9 tháng đầu năm 2022 so với 9 tháng đầu năm 2021. Kết quả như sau:

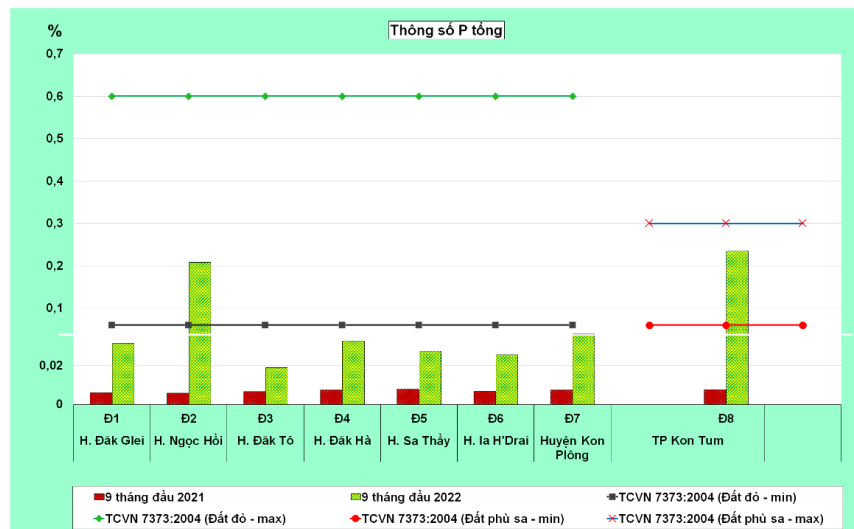
- Thông số pH(H₂O): Tất cả 08 vị trí giảm từ 1,06 - 1,11 lần.
- Thông số pH(KCl): Tại 03 vị trí có giá trị pH(KCl) giảm từ 1,009 - 1,031 lần, các vị trí còn lại tăng từ 1,009 - 1,057 lần.
- Thông số N tổng: Tất cả 8 vị trí đều tăng từ 71,261 - 1.413,3 lần.
- Thông số P tổng: Tất cả 8 vị trí đều tăng từ 3,121 - 40,241 lần.
- Thông số Cu: Tại 8 vị trí đều tăng từ 1,163 - 35,533 lần.
- Thông số Cd: Tại 02 vị trí giá trị thông số Cd giảm từ 1,111 - 1,681 lần, các vị trí còn lại tăng từ 1,25 – 1,95 lần.
- Thông số Zn: Tất cả 8 vị trí đều tăng từ 2,9 - 33,3 lần.
- Thông số Pb: Tất cả 8 vị trí đều tăng từ 19,06 - 111 lần.
- Thông số As: Tất cả 8 vị trí đều tăng từ 2,1 - 17,8 lần.
- Thông số Cr: Tất cả 8 vị trí đều tăng từ 10,04 - 187,4 lần.

* *Nhận định diễn biến các thông số ô nhiễm so với năm trước:* Chất lượng môi trường đất trên địa bàn tỉnh so với năm trước có biến đổi tuy nhiên không đáng kể. Người dân cần có kế hoạch canh tác, cải tạo đất và sử dụng phân bón một cách hiệu quả, hợp lý, đảm bảo vừa cung cấp đủ dưỡng chất cho đất, vừa bảo vệ chất lượng môi trường đất và phòng tránh vấn đề thoái hóa đất, ô nhiễm nguồn nước dưới đất.

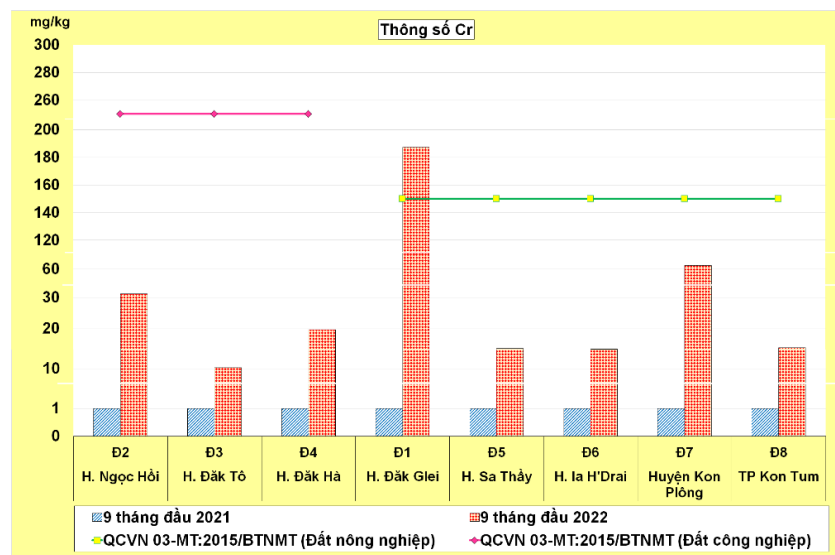
c) Biểu đồ diễn biến thể hiện các thông số bị ô nhiễm minh họa cho nhận định:



Biểu đồ 6: Chất lượng đất - Diễn biến thông số N tổng trung bình 9 TĐN 2021, 2022



Biểu đồ 7: Chất lượng đất - Diễn biến thông số P tổng trung bình 9 TĐN 2021, 2022



Biểu đồ 8: Chất lượng đất - Diễn biến thông số Cr trung bình 9 TĐN 2021, 2022

4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Kon Tum có 02 khu bảo tồn thiên nhiên, đó là: Vườn Quốc gia (VQG) Chư Mom Ray và Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTN) Ngọc Linh, thông tin 02 Khu bảo tồn như sau:

a) VQG Chư Mom Ray:

Tổng diện tích tự nhiên: 56.249,23 ha trong đó:

- + Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 19.883,03 ha;
- + Phân khu phục hồi sinh thái: 30.923,26 ha;
- + Phân khu dịch vụ hành chính: 5.442,94 ha.

- Hệ thực vật: Đã điều tra ghi nhận được 1.895 loài, thuộc 184 họ, 877 chi, 06 ngành thực vật; trong đó ngành Dương xỉ (*Fern*) 192 loài, Hạt trần (*Gymnospermae*) 11 loài, Hạt kín (*Angiospermae*) 1.251 loài, trong đó một lá mầm

404 loài và hai lá mầm 1.281 loài. Số loài nguy cấp, quý, hiếm là 80 loài chiếm 5,2% trên tổng số loài cây đã điều tra. Trong tổng số 80 loài nguy cấp, quý, hiếm có 48 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và 63 loài trong Sách đỏ thế giới.

- Hệ động vật: Đã điều tra ghi nhận được 952 loài, trong đó: 122 loài thú, 290 loài Chim, 42 loài Bò sát, 25 Lưỡng cư, 108 loài Cá nước ngọt, 179 loài bướm ngày, 186 loài bướm đêm. Trong đó: có 33 loài thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm nằm trong sách đỏ Việt Nam và Thế giới. Trong đó, các loài thú ăn cỏ, nhóm thú móng guốc như Bò tót, Bò rừng, Nai, Heo rừng...và nơi cư trú Gà rừng và một số loài thú nhỏ... tập trung kiếm ăn tại khu vực không có rừng (3.544,64 ha) của VQG Chư Mom Ray.

b) Khu Bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh:

- Tổng diện tích tự nhiên: 37.475,99 ha, trong đó:

+ Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt: 30.028,85 ha.

+ Phân khu Phục hồi sinh thái: 7.314,86 ha.

+ Phân khu Dịch vụ hành chính: 132,28 ha.

- Hệ thực vật ở đây có tính đa dạng sinh học cao với 1.090 loài thực vật bậc cao có mạch thuộc 616 chi, 173 họ, 6 ngành thực vật. Trong đó: có 40 loài trong Sách đỏ Việt Nam; 25 loài nằm trong IUCN và 51 loài nguy cấp, quý, hiếm nằm trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP (*Sâm Ngọc Linh; Lan Kim Tuyền; Trầm hương; Thông Đà Lạt; Đinh Tùng, Vù Hương; Đẳng Sâm; Vàng đắng;...*)

- Hệ động vật:

+ Khu hệ thú: Có 91 loài thú thuộc 28 họ, 11 bộ; đã xác định được 30 loài đang bị đe dọa, trong đó có 25 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 29 loài được ghi trong Danh lục đỏ IUCN (2016), 24 loài thuộc Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ, 17 loài trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Khu hệ Chim: Thống kê được 234 loài chim thuộc 43 họ của 11 bộ; có 10 loài trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, trong đó có 4 loài thuộc nhóm IB và 6 loài thuộc nhóm II, 11 loài trong Sách Đỏ Việt Nam, 13 loài trong Danh lục Đỏ IUCN, 4 loài trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Khu hệ bò sát, ếch nhái: Có 65 loài thuộc 13 họ, 2 bộ, trong đó: Lớp bò sát 24 loài thuộc 7 họ; 1 bộ Lớp lưỡng cư 41 loài thuộc 6 họ, 1 bộ; có 10 loài bị đe dọa cấp quốc gia, ghi trong Sách Đỏ Việt Nam; 7 loài nằm trong sách đỏ thế giới năm 2012; 5 loài nằm trong Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ; 01 loài trong Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Khu hệ Bướm: Có 326 loài thuộc 11 họ, 1 bộ. Trong đó, số họ bướm xanh có thành phần loài nhiều nhất 60 loài (*chiếm 18,40% tổng số loài ghi nhận*); họ bướm có thành phần loài ít nhất là họ bướm Ngọc: 2 loài (*chiếm 0,61%*). Có 2 loài bướm bị đe dọa tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh là:

Bướm phượng đuôi kiếm răng tù (*Teinopalpus imperialis*) được ghi trong sách đỏ của Việt Nam 2007, trong Danh lục đỏ IUCN và thuộc Phụ lục 2 của CITES. Loài này thường sống ở độ cao trên 1.700 m so với mực nước biển; Bướm phượng cánh chim chàm ròi (*Troides aeacus*) được ghi trong Sách đỏ Việt Nam phổ biến hơn loài trên và sống ở các độ cao khác nhau.

+ Loài động vật đặc hữu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh như Khướu Ngọc Linh – *Garrulax ngoclinhnensis*.

* Phát hiện loài mới: Năm 2016, khảo sát đầu tiên của FFI đã phát hiện quần thể khoảng 500 cá thể Chà vá chân xám tại Kon Plông và gần đây phát hiện thêm hơn 100 cá thể Vượn má vàng Trung Bộ, cả hai loài này đều đang bị đe dọa tuyệt chủng. Chà vá chân xám chỉ được tìm thấy ở Việt Nam và là một trong số các loài được xếp hạng “Cực kỳ nguy cấp”, mức cao nhất trong Danh lục đỏ IUCN. Trong năm 2018-2019, các khảo sát bẫy ảnh chuyên sâu với sự phối hợp của IZW, sử dụng 130 bẫy ảnh Panther ghi lại được hình ảnh của 121 loài động vật có vú và chim, trong đó có một số loài cực kỳ nguy cấp và đặc hữu. Điển hình như quần thể Cây vằn đã được tìm thấy nhiều nơi tại khu vực huyện Kon Plong, đây là loài thú ăn thịt nhỏ, xếp loại ‘Nguy cấp’ trong danh lục đỏ của IUCN và có tầm quan trọng quốc tế.

II. Bối cảnh chung kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương³:

a) Việc thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế:

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 9 tháng đầu năm 2022 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 11.465 tỷ đồng, tăng 10,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Nông - Lâm - Thủy sản tăng 6,05%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 14,17%; Dịch vụ tăng 8,69%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 12,69%.

- Về thu, chi ngân sách nhà nước:

+ Tình hình thu ngân sách: Thực hiện 09 tháng đầu năm thu 3.003,21 tỷ đồng, đạt 107,7% dự toán Trung ương giao, đạt 75,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

+ Tình hình chi ngân sách: Thực hiện 09 tháng đầu năm 5.879,855 tỷ đồng, đạt 50,1% nhiệm vụ chi.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm ước đạt 243,8 triệu USD, bằng 90,3% kế hoạch và tăng 39,7% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 5,55 triệu USD, bằng 84,1% kế hoạch và tăng 35,4% so với cùng kỳ.

- Xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Ước trong năm 2022, có thêm 08 xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới, đạt 100% kế hoạch; nâng tổng số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 43 xã, đạt 97,73% kế hoạch.

³ Số liệu kinh tế xã hội 09 tháng đầu năm theo Báo cáo số 297/BC-UBND ngày 13/10/2022 của UBND tỉnh.

b) Về văn hóa, xã hội

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo được sắp xếp cơ bản hợp lý.
- Tổng số lao động được tạo việc làm là 6.858/5.800, đạt 118,2% kế hoạch năm
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế ước đạt 91,12%, đạt 98,24% kế hoạch và bằng 105,1% so với cùng kỳ năm trước.
- Chất lượng sống ngày càng được cải thiện, tuổi thọ trung bình của người dân được duy trì, ước đạt 100,3% kế hoạch đề ra với tuổi thọ trung bình là 68,1.
- Về chăm sóc sức khỏe nhân dân: Ước đến cuối năm, có 100% trạm y tế có bác sỹ; 100% xã trên toàn tỉnh đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã; có 40,3 giường bệnh/vạn dân, đạt 100% kế hoạch và có 10,7 bác sỹ/vạn dân, đạt 99% kế hoạch.
- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa ước đạt 57%, bằng 101,8% kế hoạch; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa ước đạt 91%, bằng 108,3% kế hoạch.
- Chương trình chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được các cấp, các ngành triển khai tích cực.

2. Các tác động chính đến môi trường

- Cùng với quá trình phát triển kinh tế-xã hội, đô thị hóa, lượng chất thải phát sinh ngày càng gia tăng trên địa bàn tỉnh, sự hạn chế về nguồn lực đầu tư, cơ sở hạ tầng xử lý, nhận thức về bảo vệ môi trường (BVMT) của người dân chưa cao, công tác thu gom rác thải tại các khu vực đô thị và nông thôn có sự chênh lệch khá lớn về tỷ lệ thu gom, chưa đồng nhất giữa các khu vực thì vấn đề chất thải rắn đang là một trong những vấn đề cấp bách trên địa bàn tỉnh Kon Tum, đặc biệt, rác thải sinh hoạt đang là vấn đề ngày càng được quan tâm. Bên cạnh đó, nước thải sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh phát sinh ngày càng lớn trong khi hạ tầng thu gom, xử lý chưa đáp ứng yêu cầu.
- Nguồn tài nguyên nước của tỉnh đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ gây suy giảm do biến đổi khí hậu, nhất là vào mùa khô cộng với tác động của con người thông qua các hoạt động sản xuất nông-lâm nghiệp và nguồn nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, nước thải công nghiệp từ các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp chưa qua xử lý hoặc xử lý không triệt để.
- Sự gia tăng các hoạt động công nghiệp, xây dựng, hạ tầng giao thông trong tương lai có thể gây ra những tác động về vật lý như xói mòn, nén chặt đất và phá huỷ cấu trúc đất. Việc phát triển các khu dân cư và các khu đô thị cũng có nguy cơ làm đất bị ô nhiễm cục bộ do chất thải sinh hoạt và chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất nhưng chưa được xử lý.
- Việc chuyển đổi diện tích rừng nhường chỗ cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế khác sẽ làm gia tăng tai biến đặc biệt là lũ quét, xói mòn và trượt lở đất. Cùng với đó, các rủi ro do sạt lở có nguy cơ gia tăng do hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị do quá trình đô thị hóa, các hạ

tăng giao thông, công nghiệp và du lịch.

- Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các trang trại chăn nuôi tập trung và chăn nuôi quy mô nông hộ trong khu dân cư trên địa bàn tỉnh đã và đang tiếp tục là vấn đề cần quan tâm và xử lý trong thời gian tới.

- Công tác quản lý hoạt động đổ chất thải xây dựng (*đất đá thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật phát triển đô thị, khai thác khoáng sản, xây dựng các công trình thủy điện...*) chưa được chặt chẽ tiềm ẩn nguy cơ gây sạt lở, bồi lắng các lưu vực sông, suối, đất canh tác của người dân.

- Vẫn còn các nguy cơ từ sinh vật ngoại lai xâm hại và rủi ro từ sinh vật biến đổi gen.

- Đại dịch Covid-19 đã và đang ảnh hưởng đến nhiều ngành, lĩnh vực; môi trường trên địa bàn tỉnh vẫn đang chịu áp lực lớn từ các hoạt động đầu tư phát triển, các nguồn ô nhiễm môi trường gia tăng nhanh về số lượng, quy mô và mức độ tác động.

III. Kết quả hoạt động bảo vệ môi trường

1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm:

- Tỷ lệ khu công nghiệp (KCN) xử lý hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về BVMT đạt 100%. Đối với cụm công nghiệp (CCN): Hiện nay đã có 08 cụm đi vào hoạt động, các CCN trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng gắn với các công trình BVMT nên các vấn đề môi trường phát sinh chưa được giải quyết triệt để. Bên cạnh đó, CCN Đắk La mặc dù đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tuy nhiên do số lượng doanh nghiệp hoạt động trong cụm còn ít và lượng nước thải phát sinh còn thấp nên gặp khó khăn trong công tác duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, xử lý tập trung đạt yêu cầu về BVMT: 0%

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định: 100 %.

- Báo cáo số liệu các nguồn ô nhiễm như:

+ KCN, khu chế xuất, CCN, làng nghề:

Trên địa bàn tỉnh, hiện có 01 Khu kinh tế (*Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồi có diện tích 70.438 ha*), 03 KCN (*KCN Đắk Tô quy mô 146,76 ha; KCN Sao Mai quy mô 150 ha; KCN Hòa Bình quy mô 60 ha*) và 13 CCN được thành lập và đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết với tổng diện tích 442,725 ha (*trong đó, có 08 CCN đã đi vào hoạt động*). Tuy nhiên, do điều kiện tỉnh còn nghèo nên việc bố trí kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các hạng mục xử lý chất thải cho các khu, CCN, làng nghề này còn nhiều hạn chế.

Đến thời điểm hiện nay chỉ có KCN Hòa Bình là đã đi vào hoạt động được đầu tư hoàn chỉnh các công trình BVMT, KCN Sao Mai đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (chưa hoạt động), CCN Đắk La đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung (chưa hoạt động).

+ Khu đô thị, khu dân cư tập trung:

Trên địa bàn tỉnh có 08 đô thị đã được công nhận và phân loại, bao gồm: 01 đô thị loại III (*thành phố Kon Tum*), 01 đô thị loại IV (*thị trấn Plei Kần mở rộng thuộc huyện Ngọc Hồi*) và 06 đô thị loại V (*thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei; thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô; thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà; thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy; thị trấn Đắk Rê, huyện Kon Rẫy; thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông*). Ngoài ra còn có 03 trung tâm huyện bao gồm: Khu vực Trung tâm huyện Tu Mơ Rông; khu vực Đắk Ruồng - Tân Lập thuộc huyện Kon Rẫy; khu vực trung tâm huyện Ia H'Drai đang đầu tư xây dựng để dần đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V và thực hiện các thủ tục để xem xét công nhận loại đô thị theo quy định. Tổng diện tích đất toàn đô thị được công nhận và phân loại hiện tại đạt 74.949,6 ha, trong đó: Diện tích đất tự nhiên nội thành/nội thị là 18.707 ha, chiếm 24,9%. Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 34,8%, hệ thống đô thị tương đối đảm bảo chất lượng phù hợp với loại đô thị và cấp quản lý hành chính đô thị. Tuy nhiên, do nguồn ngân sách của tỉnh còn nhiều hạn chế nên hiện nay, các đô thị trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm: *Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.*

2. Quản lý chất thải và phế liệu:

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRS):

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) trên địa bàn tỉnh ước tính từ đầu năm đến nay khoảng 290 tấn/ngày⁴. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý địa bàn tỉnh khoảng 86%. Tuy nhiên hình thức xử lý tại một số bãi chôn lấp chưa đảm bảo yêu cầu về môi trường. Ngoài ra tại một số khu vực nông thôn ở vùng sâu, vùng xa chưa có đội thu gom hoặc thu gom chưa thường xuyên, hầu hết lượng chất thải này được người dân tự thu gom xử lý nên dẫn đến rác thải gây ô nhiễm môi trường cục bộ và làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

- Tình hình phân loại, thu gom, vận chuyển:

+ Tỉnh Kon Tum hiện nay có 09/10 huyện, thành phố có bãi xử lý chất thải rắn tập trung (*riêng huyện Ia H'Drai đang đề xuất chủ trương xin đầu tư, xây dựng bãi rác*).

-> Thành phố Kon Tum: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum thu gom và đưa về Nhà máy xử lý chất

⁴ Khối lượng ước tính trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các huyện, thành phố cung cấp.

thải rắn huyện Đăk Hà để xử lý (*trên địa bàn thành phố có Nhà máy xử lý rác thải thành phố Kon Tum của Công ty TNHH Song Nguyên Kon Tum, hiện tạm dừng hoạt động do liên quan đến công tác đấu thầu*).

-> Huyện Đăk Hà: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Môi trường DH vận chuyển đưa về Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Đăk Hà để xử lý.

-> Huyện Kon Rẫy: Trên địa bàn huyện có một bãi rác cũ (*thôn 5, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy*) đã ngưng hoạt động từ năm 2020. Từ tháng 01 đến tháng 04 năm 2022, rác thải được đưa đến nhà máy xử lý rác tại huyện Đăk Hà xử lý. Từ tháng 05 đến nay, công tác đấu thầu thu gom, vận chuyển và xử lý rác không có nhà thầu tham gia nên rác thải được chứa tạm thời tại khu mỏ đá cũ thôn 12 xã Đăk Ruồng.

-> Huyện Sa Thầy: Trên địa bàn huyện có một bãi rác cũ (*thôn 1, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy*), là cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đã ngưng hoạt động từ năm 2020. Hiện nay, địa phương hợp đồng với liên danh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum - Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Môi trường DH thu gom và đưa về Nhà máy xử lý rác tại huyện Đăk Hà để xử lý.

-> Huyện Đăk Tô: Chất thải rắn sinh hoạt được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và đưa về Bãi chôn lấp của huyện Đăk Tô để xử lý.

-> Huyện Ngọc Hồi: Chất thải rắn sinh hoạt được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và đưa về Bãi tập trung rác thải tại thôn 2, xã Đăk Kan, hình thức đổ, đốt lộ thiên, hiện trong tình trạng quá tải. Để khắc phục trạng ô nhiễm tại Bãi rác thải hiện nay, địa phương đang thực hiện dự án Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn liên hợp huyện Ngọc Hồi tại khu Đăk Mốt- xã Đăk Kan. Hiện nay đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện, dự kiến đưa vào sử dụng tháng 3/2023.

-> Huyện Đăk Glei: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và đưa về Bãi chôn lấp của huyện để xử lý. Tuy nhiên hiện nay Bãi chôn lấp của huyện bị quá tải, nằm trong danh mục cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

-> Huyện Tu Mơ Rông: Chất thải rắn sinh hoạt được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và đưa về Bãi chôn lấp của huyện để xử lý.

-> Huyện Kon Plông: Chất thải rắn sinh hoạt được Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện thu gom và đưa về Bãi chôn lấp của huyện để xử lý. Tuy nhiên Bãi chôn lấp của huyện hiện quá tải và trong tình trạng ô nhiễm môi trường.

-> Huyện Ia H'Drai: Chưa có bãi xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung. Chất thải phát sinh tại các hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tự

xử lý bằng hình thức đốt hoặc chôn lấp. Hiện nay, huyện Ia H'Drai đang đề xuất chủ trương xin đầu tư, xây dựng bãi rác.

+ Nhìn chung các địa phương đã triển khai công tác thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Tuy nhiên công tác thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn còn nhiều hạn chế. Hầu hết chất thải rắn trên địa bàn tỉnh chưa được phân loại tại nguồn, phần lớn chất thải rắn được xử lý theo hình thức chôn lấp, nhiều bãi chôn lấp không hợp vệ sinh phát sinh ruồi, muỗi, phát tán mùi hôi.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

- Theo số liệu thống kê từ KCN Hòa Bình, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh và được thu gom với khối lượng khoảng 1298,3 tấn/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ các cơ sở sản xuất, các KCN/CCN được xử lý bằng phương pháp tái chế tại chỗ, thành phần chất thải rắn công nghiệp còn lại sẽ được các cơ sở sản xuất hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển đến các nhà máy xử lý, bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt để xử lý. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp tại các cơ sở công nghiệp, KCN/CCN vẫn còn diễn ra tự phát, chưa được quản lý chung.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn:

+ Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 382kg/ngày, khối lượng chất thải nguy hại được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý khoảng 372 kg/ngày, đạt tỷ lệ 97,3%

+ Tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý: Hầu hết các đơn vị đã hợp đồng với tổ chức có chức năng ngoài tỉnh để chuyển giao xử lý (*hợp đồng với: Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh, Công ty TNHH TM&XD An Sinh, Công ty CP cơ- điện- môi trường Lilama*).

- Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn:

+ Công tác phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải y tế nguy hại: Đa số các cơ sở y tế đã thực hiện việc phân loại, thu gom chất thải y tế tại nơi phát sinh theo của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định về quản lý chất thải y tế. Tuy nhiên, vẫn còn một số Trạm Y tế xã chưa thực hiện tốt việc phân loại chất thải y tế tại ngay nơi phát sinh; Một số cơ sở y tế bố trí khu vực lưu giữ chưa đảm bảo theo quy định. Tổng khối lượng chất thải y tế phát sinh trong khoảng 1483kg/ngày trong đó: Khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh khoảng 1114kg/ngày, chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh khoảng 369kg/ngày.

- Các khu xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung trên địa bàn:

+ Cụm xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại Bệnh viện Y dược cổ truyền phục hồi chức năng. Xử lý bằng công nghệ lò vi sóng: 38 kg/mẻ và lò đốt: 100 kg/h. Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH: Các cơ sở y tế thuộc huyện Đắk Hà, Sa Thầy, Kon Plông, Kon Rẫy và thành phố Kon Tum.

+ Cụm xử lý chất thải y tế nguy hại tập trung tại Bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi. Xử lý bằng công nghệ vi sóng: 30 kg/giờ, lò đốt: 100 kg/giờ. Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH: Các cơ sở y tế thuộc huyện Đắk Glei, Ngọc Hồi, Đắk Tô và Tu Mơ Rông.

+ Công trình xử lý chất thải y tế nguy hại tập tại Trung tâm y tế huyện Ia H'Drai. Xử lý bằng lò đốt 30-35 kg/h. Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH: Trung tâm y tế huyện và 03 trạm y tế xã.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất:

Trên địa bàn tỉnh hiện nay không có đơn vị nào được cấp phép nhập khẩu phế liệu và cũng không có tổ chức, cá nhân nào nhập khẩu phế liệu qua địa bàn tỉnh Kon Tum.

đ) Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu tại: Phụ lục II kèm theo

3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường:

- Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (*lưu vực sông, nước mặt, nước dưới đất,...*):

+ Về hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước: Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 4340/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 Điều tra cơ bản tài nguyên nước tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ dự án Điều tra, xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỉnh Kon Tum. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

+ Công tác lập quy hoạch tài nguyên nước:

-> Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, có nội dung “*Xây dựng Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra để tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*”, việc tổ chức thực hiện xây dựng nội dung “*Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên nước của địa phương*” lồng ghép trong nội dung Quy hoạch tỉnh Kon Tum.

-> Về công tác lập hành lang bảo vệ nguồn nước: Căn cứ Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2017.

-> Công tác điều tra, đánh giá, phê duyệt và công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa: Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 4340/KH-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 Điều tra cơ bản tài nguyên

nước tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định.

+ Xây dựng hệ thống quan trắc, kiểm soát chất lượng nguồn nước:

-> Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021. Chương trình quan trắc môi trường của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 gồm 61 điểm quan trắc. Trong đó: 20 điểm quan trắc môi trường không khí; 20 điểm quan trắc môi trường nước mặt; 13 điểm quan trắc môi trường nước ngầm và 08 điểm quan trắc môi trường đất trải đều trên địa bàn 10 huyện, thành phố.

-> Mạng lưới quan trắc môi trường tự động, liên tục: Tỉnh Kon Tum chưa đầu tư, xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục để kiểm soát chất lượng không khí, nước mặt trên địa bàn tỉnh nên chưa có số liệu để báo cáo.

-> Hệ thống quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục từ các KCN và cơ sở sản xuất: Thực hiện theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch xây dựng hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục trên địa bàn tỉnh bước đầu đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Cụ thể:

(i) Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh: Đã hoàn thành việc đầu tư và vận hành từ năm 2018 hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục trên địa bàn tỉnh.

(ii) Các cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh nước thải hoạt động trên địa bàn tỉnh đều phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đạt cột A. Hiện nay các cơ sở đang lập thủ tục đề nghị cấp phép môi trường (*trong đó có nội dung cấp phép công trình xử lý nước thải đạt cột A*) và có 19 cơ sở dự án đã hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất: Trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh không thực hiện xử lý đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất.

- Quản lý, cải thiện chất lượng không khí: Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác quản lý, cải thiện chất lượng không khí⁽⁵⁾. Theo đó, trên cơ sở chức

⁵ Công văn số 2902/UBND-NNTN ngày 05 tháng 9 năm 2022 V/v triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 39/UBND-NNTN ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc tăng cường kiểm soát ô nhiễm không khí và xử lý triệt để các điểm nóng về ô nhiễm bụi, khí thải trên địa bàn tỉnh; Công văn số 427/UBND-NNTN ngày 03/2/2021 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 4447/UBND-NNTN ngày 15/12/2021 về việc thực hiện Quyết định số 1973/QĐ-TTg ngày 23/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

năng, nhiệm vụ từng ngành, địa phương có liên quan hướng dẫn kiểm tra thực hiện các biện pháp hạn chế phát sinh khí thải trong các hoạt động như giao thông, xây dựng, đốt chất thải y tế, sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp...

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường: Tính từ đầu năm đến nay có 45 đơn vị nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường với số tiền 1.835.556.188 đồng vào tài khoản ký quỹ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn: *Tại Phụ lục III kèm theo.*

4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong năm báo cáo.

- Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022⁽⁶⁾, đồng thời chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị cần thiết để thực hiện công tác phòng chống thiên tai có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản cho người dân⁽⁷⁾. Trong 9 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh không xảy ra tình trạng hạn hán; tuy nhiên trên địa bàn huyện Kon Plông đã xảy ra các đợt rung chấn do động đất (*chưa ghi nhận thiệt hại về người và tài sản*) và các đợt mưa lũ đã ảnh hưởng, gây thiệt hại tại một số địa phương.

- Về công tác phòng chống bão số 4 (bão Noru): Tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong phòng chống bão số 4; đã tổ chức di dời 1.215 hộ dân với 4.382 nhân khẩu có nguy cơ sạt lở, ngập lụt đến nơi an toàn; góp phần giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do bão gây ra. Theo thống kê sơ bộ ban đầu, trên địa bàn tỉnh không ghi nhận thiệt hại về người; có 94 căn nhà bị hư hỏng, gần 242 ha hoa màu bị ảnh hưởng; 11 xã bị mất điện; một số điểm tại Quốc lộ 40B, Quốc lộ 24 và một số tuyến đường khác của tỉnh bị sạt lở, ... với ước tính thiệt hại về tài sản khoảng 46 tỷ đồng. Tỉnh đã chỉ đạo, huy động lực lượng tại chỗ khắc phục ngay các thiệt hại do bão gây ra⁽⁸⁾.

- Thực hiện các nội dung liên quan đến công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có công văn yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP

⁶ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

⁷ Bao gồm: nhà bạt cứu sinh 194 bộ, phao cứu sinh 3.612 cái, phao tròn cứu sinh 2.805 cái, máy phát điện 3 cái; máy bơm chữa cháy 8 cái; ca nô 4 chiếc...

⁸ Đến nay, đã thông tuyến toàn bộ các tuyến đường bị sạt lở; khắc phục và đóng điện xong cho 11/11 xã mất điện; cơ bản sửa chữa xong các căn nhà bị tốc mái, hư hỏng nhẹ và đang tiếp tục cho sửa chữa các căn nhà, công trình hư hỏng nặng khác để đảm bảo an toàn tính mạng, sớm ổn định sinh hoạt, sản xuất cho người dân.

ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Đối với các cơ sở/doanh nghiệp trên địa bàn có các hồ chứa chất thải, nước thải hoặc các bãi lưu giữ chôn lấp chất thải rắn hoặc các khu vực chứa hóa chất... phải chủ động rà soát hệ thống thoát nước mưa bề mặt, đề bao quanh các khu vực trên tại các cơ sở để tiến hành cải tạo, gia cố, đặc biệt là các điểm xung yếu có nguy cơ sạt lở cao, đảm bảo chắc chắn, không bị sạt lở do mưa bão, lốc, sét và gió giật mạnh gây ra; nghiêm túc vận hành các công trình xử lý chất thải đảm bảo quy chuẩn xả thải; xây dựng phương án, sẵn sàng bố trí các nguồn lực ứng phó sự cố chất thải, ô nhiễm môi trường do rò rỉ, tràn đổ, phát tán chất thải có thể xảy ra khi trời mưa.

- Kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường (*số lượng các sự cố xảy ra trong năm và việc ứng phó, xử lý*): Hiện nay, các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh hoạt động có phát sinh chất thải phải xây dựng phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường, nhất là trong phòng ngừa sự cố nước thải. Một số cơ sở đã triển khai xây dựng hồ sự cố chứa nước thải, tuy nhiên từ trước diễn biến của thời tiết (*mưa nhiều*) và địa chất, địa hình nhiều đồi núi nên còn xảy ra sự cố vỡ hồ chứa nước thải, tuy nhiên quy mô ảnh hưởng nhỏ, mức độ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh không đáng kể và được các cơ sở kịp thời khắc phục.

- Kết quả xử lý các thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn:

+ Thông qua đường dây nóng, phản ánh trên báo chí Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận 03 kiến nghị của người dân và phản ánh của báo chí về vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn, các phản ánh: ô nhiễm tại Bãi chôn lấp chất thải rắn huyện Đắk Tô⁹; ô nhiễm tại Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Đắk Hà¹⁰; ô nhiễm lòng hồ thủy điện Ialy tại xã YaLy, huyện Sa Thầy.

+ Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra, đề nghị các cơ sở tổ chức khắc phục. Kết quả như sau:

-> Ô nhiễm Bãi rác của huyện Đắk Tô: Theo nhận định, việc đổ rác thải chưa đúng quy trình kỹ thuật nên khi mưa lớn có thể gây ra hiện tượng nước cuốn trôi rác thải và nước rỉ rác ảnh hưởng đến nhánh suối và sản xuất của người dân. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô đã chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai khắc phục.

-> Ô nhiễm tại Nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Đắk Hà: Theo nhận định, khi trời mưa lớn, nước mưa chảy khu vực bãi rác cũ và mùn ủ sẽ làm gia tăng lưu lượng nước rỉ rác, trong khi đó, khu vực hồ chứa nước rỉ rác nằm ở vùng thấp, dung tích chứa không đáp ứng đủ sẽ có nguy cơ bị chảy tràn ra ngoài như phản ánh của báo chí. Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân

⁹ “Bãi rác của huyện Đắk Tô đặt gần nơi sinh sống của người dân nên gây mùi hôi thối. Bà con nơi đây lo lắng nguồn nước ngầm sẽ bị ô nhiễm, ảnh hưởng đến sức khỏe nên chẳng dám sử dụng”(Bài viết *Kon Tum: Dân bất an vì bãi rác nằm gần mạch nước ngầm*, Báo Giáo dục và Thời đại online số ra ngày 23 tháng 7 năm 2022).

¹⁰ Thông tin phản ánh của Báo điện tử Tài nguyên và Môi trường (số ra ngày 25 tháng 8 năm 2022) về “Nhà máy xử lý rác để nước thải tràn ra môi trường”.

huyện Đắk Hà đã yêu cầu Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ môi trường DH thực hiện các biện pháp khắc phục như: di chuyển, che chắn lượng mùn ủ; nạo vét Hồ chứa nước rỉ rác của Bãi rác cũ, nâng bờ bao, xây thêm hồ chứa... Công ty đã triển khai biện pháp khắc phục sự cố kịp thời nên ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường xung quanh dự án.

-> Ô nhiễm tại lòng hồ Ya Ly: Theo nhận định, nước hồ Ya Ly bị ô nhiễm là do dư thừa các chất dinh dưỡng trong nước (*thể hiện qua nồng độ các chất hữu cơ qua kết quả quan trắc đợt 1*) là có cơ sở, nguyên nhân do hiện tượng phú dưỡng theo mùa. Tuy nhiên, qua kết quả quan trắc mẫu nước tại hồ Ya Ly lần 2 thì hàm lượng các chất ô nhiễm đã giảm đáng kể, không còn hiện tượng nổi váng xanh. Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị chính quyền địa phương tăng cường công tác giám sát, tiếp tục theo dõi các hiện tượng bất thường (*nếu có*) tại khu vực lòng hồ Ya Ly; kịp thời kiến nghị với cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.

5. Báo cáo kết quả về việc lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 272 doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực: Cơ khí nhỏ, gia công cơ khí; nghề chế biến nông, lâm sản, sản xuất các vật dụng phục vụ nhu cầu đời sống của Nhân dân, sản xuất công cụ thô sơ phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp; sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống; khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa có làng nghề nào đạt tiêu chuẩn làng nghề theo quy định. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh có một số địa phương đang hoạt động làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống. Nhìn chung, các làng nghề được hình thành dưới hình thức là làng có nghề, thiếu tính đồng bộ đều khắp trong làng, chủ yếu là tự phát theo từng hộ gia đình; cơ sở hạ tầng còn rất thấp kém; việc hoạt động chủ yếu tạo việc làm cho những lúc nông nhàn; chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa nhiều, nên chưa làm ảnh hưởng đến ô nhiễm làng nghề.

6. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học:

a) Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

Ngày 01 tháng 7 năm 2009, Luật Đa dạng sinh học của Quốc hội khóa XII, kỳ thứ tư số 20/2008/QH12 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008 có hiệu lực. Đây là văn bản pháp lý có hiệu lực pháp lý cao nhất trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đa dạng sinh học (ĐDSH) ở nước ta hiện nay. Từ khi Luật Đa dạng sinh học năm 2008 có hiệu lực thi hành, cấp có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến lĩnh vực ĐDSH nhằm thi hành triển khai Luật và các quy định, văn bản hướng dẫn thi hành luật... đến tất cả các tổ chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tiêu biểu như:

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2016 về Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:

+ Các quyết định: số 523/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 Phê duyệt Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; số 269/QĐ-UBND ngày 17/4/2013 phê duyệt Quy hoạch phát triển Sâm Ngọc Linh tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến năm 2025; số 1308/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng tỉnh Kon Tum đến năm 2020; số 587/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 về thành lập Trung tâm Cứu hộ, Bảo tồn và phát triển sinh vật Vườn quốc gia Chư Mom Ray.

+ Kế hoạch số 2110/KH-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2009 về Bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn sinh học đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3527/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 triển khai thực hiện Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động triển cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 667/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2020 về thực hiện Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam hiện có trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 1034/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022 về đa dạng sinh học tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2030.

- Hiện nay, Quy hoạch Bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã kết thúc. Đối với nội dung bảo tồn đa dạng sinh học giai đoạn tiếp theo sẽ được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 hiện đang được các cấp, ngành trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện theo Quyết định số 510/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ⁽¹¹⁾ và Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự thảo báo cáo đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến các Bộ, ban, ngành, địa phương... Trên cơ sở các Quy hoạch được duyệt, địa phương sẽ xây dựng các Chương trình, Kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo sự phù hợp với các quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và pháp luật có liên quan.

b) Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

- Hiện tại trên địa bàn tỉnh Kon Tum chỉ có 02 đơn vị là khu bảo tồn bao gồm: VQG Chư Mom Ray và KBTTN Ngọc Linh. Riêng đối với Rừng đặc dụng Đắk Uy, theo Quyết định 523/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 nâng cấp thành Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Đắk Uy.

⁽¹¹⁾ Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh (là một nội dung của Quy hoạch tỉnh) theo quy định của Luật Quy hoạch năm 2017.

- 02 khu bảo tồn (*VQG Chư Mom Ray và KBTTN Ngọc Linh*) đều được công nhận là Vườn di sản ASEAN. Hiện nay, VQG Chư Mom Ray đang lập hồ sơ đề cử công nhận khu dự trữ sinh quyển.

c) Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Kế hoạch: số 667/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2020 về thực hiện Chương trình bảo tồn các loài rùa nguy cấp của Việt Nam hiện có trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 3527/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 về triển khai bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Văn bản số 415/UBND-NNTN ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc tăng cường quản lý động vật hoang dã và kiểm soát việc nuôi nhốt, buôn bán, tiêu thụ trái phép và Văn bản số 3125/UBND-NNTN ngày 24 tháng 8 năm 2020 về một số giải pháp cấp bách quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Công tác điều tra, thống kê hiện trạng, quan trắc, lập danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được thực hiện thông qua việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa, phát hiện trong quá trình tuần tra, truy quét bảo vệ rừng hoặc tham gia phối hợp các đoàn đến nghiên cứu bảo tồn đa dạng sinh học tại tỉnh. Một số loài nằm trong danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm trên các lâm phần quản lý của các đơn vị chủ rừng phát hiện như: Chồn bay, Cu lớn, Cu li nhỏ, Voọc Chà vá chân xám, Voọc Chà vá chân xám, Voọc chà vá chân nâu, Vượn má vàng Trung bộ, vượn đen má vàng, Bò rừng, bò tót, Cây vằn, Tê tê vàng, Khướu Ngọc Linh, Sâm Ngọc Linh,...

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 10 cơ sở là hộ gia đình có nuôi động vật hoang dã quý, hiếm vì mục đích thương mại; các cơ sở này được quản lý thông qua mã số cơ sở do Cơ quan Quản lý CITES cấp hoặc Chi cục Kiểm lâm; Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố chịu trách nhiệm giám sát, kiểm soát chặt chẽ các cơ sở trên địa bàn quản lý về số lượng xuất, nhập và định kỳ hằng tháng báo cáo Chi cục Kiểm lâm về số liệu đầu vật nuôi, tình hình công tác quản lý để Chi cục Kiểm lâm chỉ đạo kịp thời.

d) Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học:

- Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên:

+ Một trong các hoạt động nhằm mục đích phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên, trong đó có hệ sinh thái rừng là tổ chức triển khai Dự án Bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 và Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

+ Triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng, chăm sóc và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên. Kết quả: Từ đầu năm 2022 đến nay (ngày 15/9/2022), các đơn vị, địa phương đã trồng rừng được 4.687,77ha (đạt 104,17%) và trồng cây phân tán: 941.614 cây (đạt 156,47%); các đơn vị chủ rừng đã thực hiện chăm sóc rừng 1.739,57ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh

1.467,59 ha. Những hoạt động này đã góp phần vào sự phục hồi, phát triển của hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ các dịch vụ hệ sinh thái:

Nhằm góp phần quản lý rừng bền vững và cải thiện đời sống của người từ nghề rừng, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 về Đề án đầu tư, phát triển và chế biến được liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; ban hành Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc phê duyệt Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững kết hợp với kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Đề án đầu tư, phát triển và chế biến được liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 để chia sẻ lợi ích từ dịch vụ sinh thái rừng, cải thiện đời sống vươn lên làm giàu chính đáng từ nghề rừng.

- Số liệu về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học: *Tại Phụ lục IV kèm theo.*

IV. Xây dựng chính sách, pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT

1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện:

- Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu ban hành các văn bản phục vụ kịp thời trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực BVMT⁽¹²⁾.

- Đối với công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật địa phương: Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, như: Ban hành quy định về quản lý chất thải⁽¹³⁾; ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, BVMT nông thôn⁽¹⁴⁾.

¹² Văn bản số 2445/UBND-NNTN ngày 29/7/2022 V/v triển khai thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 3244/UBND-NNTN ngày 29/9/2022 V/v tăng cường quản lý, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 123/UBND-NNTN ngày 14/01/2022 V/v tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 về việc ban hành kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022; Kế hoạch số 1034/KH-UBND ngày 14/4/2022 về đa dạng sinh học tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Kế hoạch số 3426/KH-UBND ngày 11/10/2022 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2030 và đến năm 2050

¹³ Đã dự thảo lần 2, lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh. Hiện nay, Sở TN&MT đã hoàn thiện lại nội dung dự thảo theo các ý kiến góp ý để tổng hợp, trình Sở Tư pháp thẩm định (tại Văn bản số 2886/STNMT-MT ngày 10/10/2022) theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật

¹⁴ Đã dự thảo lần 2, lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của tỉnh. Hiện nay, Sở TN&MT đang hoàn thiện lại nội dung dự thảo theo các ý kiến góp ý để tổng hợp, trình Sở Tư pháp thẩm định theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy hoạch về môi trường của quốc gia trên địa bàn: Hiện nay, Quy hoạch BVMT quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường dự thảo và lấy ý kiến góp ý hoàn thiện. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để tham gia góp ý.

- Đánh giá chung công tác xây dựng và thực thi các văn bản pháp luật do địa phương ban hành, những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong việc thực thi pháp luật:

+ Trên cơ sở các nhiệm vụ được luật giao, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi và giao Sở Tư pháp tổ chức thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đúng quy trình, thủ tục; thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và thực tiễn của địa phương. Mặt trận và các đoàn thể đã phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, nhất là trong việc nghiên cứu, đánh giá nhu cầu, hoạch định chính sách, hoàn thiện hệ thống pháp luật ở địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước bằng pháp luật. Các sở, ban ngành, địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ nghiêm túc quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, các văn bản do Ủy ban nhân dân ban hành phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp và tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với đối tượng tác động của văn bản, vì vậy văn bản sau khi ban hành mang tính khả thi cao.

+ Khó khăn, hạn chế: Lực lượng cán bộ làm công tác môi trường trên địa bàn tỉnh còn mỏng, ít có kinh nghiệm trong công tác pháp chế, do đó, trong việc tham mưu ban hành các văn bản pháp luật của địa phương còn gặp nhiều hạn chế. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được ban hành (*có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022*) và giao địa phương ban hành các văn bản pháp luật phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương đảm bảo triển khai kịp thời Luật Bảo vệ môi trường, tuy nhiên, một số hướng dẫn kỹ thuật, định mức liên quan vẫn chưa được các Bộ chuyên ngành ban hành nên địa phương chưa có cơ sở để tổ chức xây dựng văn bản của địa phương.

2. Giải quyết thủ tục hành chính:

- Báo cáo số lượng thủ tục hành chính đã giải quyết trong năm theo từng loại thủ tục. Chi tiết hồ sơ về môi trường đã phê duyệt và xác nhận:

+ Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Từ đầu năm đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 12 hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp 03 giấy phép môi trường.

+ Thủ tục hành chính cấp huyện: Từ đầu năm đến nay, Ủy ban nhân dân

cấp huyện đã cấp 06 giấy phép môi trường.

(Hồ sơ TTHC được phê duyệt, cấp phép trong năm tại Phụ lục V kèm theo)

- Đánh giá những tồn tại, nguyên nhân khách quan/chủ quan trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Hầu hết các Hồ sơ thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực môi trường đều được giải quyết đúng thời hạn, đúng quy định. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số hạn chế sau:

+ Xảy ra tình trạng hệ thống thông tin Một cửa điện tử bị lỗi, có lúc không chuyển được hồ sơ hoặc chuyển được nhưng chậm gây mất nhiều thời gian.

+ Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ 4: tổ chức/cá nhân chưa thực hiện cấp bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đối với các hồ sơ, tài liệu gửi kèm nên chưa đảm bảo giá trị pháp lý của hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ TTHC nhiều, tuy nhiên số lượng cán bộ công chức phòng còn ít.

3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường:

- Triển khai thực hiện các kế hoạch chuyên đề của Cục Cảnh sát môi trường về phòng ngừa, đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật về môi trường, Phòng PC05 - Công an tỉnh Kon Tum tiếp nhận, giải quyết và ra quyết định khởi tố vụ án hình sự 01 vụ, 1 đối tượng về hành vi “*Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm*” và chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Ngọc Hồi điều tra, xử lý theo thẩm quyền; hiện vụ án đã bị khởi tố.

- Đối với thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường: Từ đầu năm đến nay Sở Tài nguyên và Môi trường chưa tổ chức thanh tra, kiểm tra và chưa nhận được đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan đến lĩnh vực môi trường.

4. Tuyên truyền, giáo dục về BVMT: Kết quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về BVMT:

- Từ năm 2022, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 chính thức có hiệu lực. Để đưa Luật Bảo vệ môi trường vào cuộc sống, tỉnh đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật dưới nhiều hình thức đa dạng. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật đã triển khai phổ biến bằng văn bản; đã được đăng tải, cập nhật Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong tháng 10 năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức phổ biến dưới hình thức hội thảo nhằm giúp các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ biết những nội dung quan trọng của Luật, nhận thức một cách đầy đủ, đúng quy định trước khi áp dụng vào thực tiễn.

- Công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức về BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 còn được triển khai đến nhiều đối tượng thông qua các chương trình phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội như: UBMT Tổ quốc Việt Nam, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, Hội nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh. Thông qua đó góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp trong bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả.

- Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã tổ chức thường xuyên hằng năm các hoạt động hưởng ứng Ngày Đa dạng sinh học 22/5, Ngày Môi trường thế giới 05/6, Lễ phát động Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ, Ngày Quốc tế bảo vệ tầng Ozon 16/9, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, Phong trào chống rác thải nhựa... bằng các hoạt động thiết thực như: tổ chức lễ mítting, diễu hành hưởng ứng, phát hành poster, áo mũ tuyên truyền, treo băng rôn, khẩu hiệu, tổ chức lễ ký kết... đã thu hút đông đảo cán bộ công chức, các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia trồng cây xanh, thu gom rác thải, nạo vét kênh mương, khơi thông cống rãnh các công trình công cộng, dọn vệ sinh nơi cư trú, cụm dân cư và dọn phát quang dọc các tuyến đường giao thông, nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần và túi ni lông khó phân hủy... Qua hoạt động của các chiến dịch về BVMT đã từng bước nâng cao nhận thức của cộng đồng, góp phần BVMT ngày càng có hiệu quả.

- Xây dựng nhiều phóng sự, bài viết tuyên truyền về BVMT trên báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh. Nêu gương những việc làm tốt, người làm tốt các phong trào BVMT tại khu dân cư, góp phần nâng cao nhận thức về BVMT của cộng đồng dân cư, vận động toàn dân tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

V. Hệ thống quan trắc và cảnh báo về môi trường

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Kon Tum chưa đầu tư, xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường nào, do đó chưa có số liệu để báo cáo.

VI. Điều kiện và nguồn lực về BVMT

1. Nguồn nhân lực (*Số lượng cán bộ, công chức, viên chức làm công tác BVMT trên địa bàn*)

- Cấp tỉnh:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh. Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, hiện nay Phòng Môi trường là đơn vị trực tiếp tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực BVMT trên địa bàn tỉnh. Tổng số cán bộ công chức của Phòng Môi trường là 06 người. Bên cạnh còn có các phòng ban, trung tâm trực thuộc Sở (*Thanh tra Sở, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường*) phối hợp hỗ trợ trong công tác BVMT.

+ Đối với các sở, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Y tế có bố trí cán bộ phụ trách công tác BVMT.

- Cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường có từ 01 đến 02 cán bộ phụ trách công tác quản lý nhà nước về BVMT.

- Cấp xã: Chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường, cán bộ địa chính - đô thị - xây dựng kiêm nhiệm công tác BVMT.

- Lực lượng Cảnh sát môi trường: Tổng 27 cán bộ.

Trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác BVMT: Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức làm công tác BVMT có trình độ đại học trở lên. Tuy nhiên, ở cấp xã, phường, thị trấn chưa có cán bộ chuyên trách về môi trường (*cán bộ địa chính - đô thị - xây dựng xã, phường kiêm nhiệm*) thực hiện công tác quản lý về lĩnh vực BVMT do đó công tác quản lý còn hạn chế.

2. Nguồn lực tài chính (tổng kinh phí cho các hoạt động BVMT, trong đó nêu rõ kinh phí từ các nguồn sự nghiệp môi trường, đầu tư phát triển, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, xã hội hóa...):

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, tổng chi ngân sách từ nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT của địa phương trong năm 2022 là 132,828 tỷ đồng, chiếm 2,67% ngân sách của địa phương.

VII. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

- Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê: *Phụ lục A kèm theo.*

- Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành: *Phụ lục B kèm theo.*

- Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả BVMT của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá kết quả công tác BVMT của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: *Phụ lục C kèm theo.*

VIII. Đánh giá chung

1. Tổng kết, đánh giá chung về chất lượng môi trường trên địa bàn của năm đánh giá; xác định những nguyên nhân, nguồn tác động chính ảnh hưởng đến chất lượng môi trường:

Nhìn chung, chất lượng các thành phần môi trường trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2022 tương đối tốt, chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi các thông số ô nhiễm. Cụ thể:

- Môi trường không khí: Môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Kon Tum quan trắc trong quý I năm 2022 có chất lượng tốt, chưa có dấu hiệu bị ảnh hưởng nhiều bởi các hoạt động sản xuất, phát triển dân cư, đô thị và quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Tiếng ồn, độ rung: Kết quả quan trắc độ rung tại các vị trí đều có giá trị đạt QCVN 20:2010/BTNMT. Nguyên nhân gây tiếng ồn cao chủ yếu phát sinh từ hoạt động sản xuất tại các khu công nghiệp, hoạt động phát triển đô thị và hoạt động lưu thông của các phương tiện vận tải, vận chuyển trên các tuyến đường, đặc biệt tại các khu vực có mật độ phương tiện giao thông lớn thì mức âm tương đương cực đại (L_{Amax}) khá cao.

- Đối với môi trường nước mặt: Kết quả quan trắc cho thấy môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh có giá trị các thông số quan trắc nước mặt đặc trưng tương đối ổn định, riêng một số đoạn sông bị ảnh hưởng bởi các thông số TSS, Fe và NH_4^+ . Nguyên nhân một phần do có thể tại một số khu vực có sẵn thành phần Fe trong cấu tạo địa chất tự nhiên nên hòa tan vào nước mặt và các hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân.

- Đối với môi trường nước dưới đất: Nguyên nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước dưới 6 tháng đầu năm 2022, cụ thể là độ pH trong nước thấp có thể do các yếu tố địa lý, địa chất gây ra (*độ pH thấp không trực tiếp làm ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, độ pH thấp làm tăng tính axit trong nước gây nên một số ảnh hưởng như hiện tượng ăn mòn kim loại làm gia tăng các ion kim loại*), hàm lượng NH_4^+ - N, Coliform bị ô nhiễm có thể do hoạt động công nghiệp và hoạt động sinh hoạt thường ngày.

- Đối với môi trường đất: Trong 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, chất lượng môi trường đất chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi các thông số kim loại nặng; chất lượng môi trường đất có hàm lượng chất dinh dưỡng thay đổi có thể do chịu tác động hoạt động nông nghiệp và công nghiệp (*đại diện là N tổng, P tổng không đạt TCVN 7373:2004, TCVN 7374:2004*). Vì vậy, để cải thiện hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất cần có kế hoạch canh tác, cải tạo đất và bón phân phù hợp; thực hiện các biện pháp BVMT đất, thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh nhằm ngăn cản quá trình phân hủy các loại chất thải, sử dụng nguồn nước tưới tiêu đảm bảo,...

2. Tổng hợp, đánh giá chung về những kết quả đạt được trong công tác BVMT của năm đánh giá; những vấn đề môi trường hoặc các hoạt động BVMT chính được giải quyết, xử lý; những tồn tại, bất cập, hạn chế và nguyên nhân:

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện tốt trong công tác quản lý nhà nước về BVMT và đã đạt được một số kết quả như sau:

- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại và chất thải y tế đều đạt các chỉ tiêu tại Nghị quyết của Tỉnh ủy.

- Đã cơ bản kiểm soát lưu lượng và chất lượng nước thải từ các KCN và các nguồn thải lớn thông qua hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

- Đã kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải có nguy cơ ô nhiễm môi trường, các khu vực thường xuyên có khiếu nại, khiếu kiện của cử tri. Tập trung cho công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, công tác quản lý chất thải đã quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy hoạch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, chăn nuôi... góp phần hạn chế nguồn ô nhiễm môi trường.

- Mạng lưới quan trắc được hoàn thiện với đầy đủ các thành phần môi trường, công tác quan trắc các thành phần môi trường trong năm qua được thực hiện và hoàn thành theo khối lượng công việc đã được phê duyệt, kịp thời phản ánh chất lượng môi trường để các cấp chính quyền ra quyết định quản lý, công khai cảnh báo cộng đồng về chất lượng môi trường để có những biện pháp thích ứng phù hợp.

- Tiếp tục triển khai và tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức BVMT với các hình thức đa dạng và phong phú, thu hút sự quan tâm và tham gia hưởng ứng tích cực của cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thông qua các tuần lễ BVMT, các chương trình truyền thông môi trường, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật BVMT giúp nâng cao nhận thức về BVMT của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân.

- Việc triển khai thực hiện dự án tổng thể về bảo tồn đa dạng và an toàn sinh học, công tác trồng rừng và bảo vệ rừng được đẩy mạnh, đã góp phần gìn giữ đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái ở mức ổn định.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, có sự phối hợp của các ngành, các địa phương; Duy trì đường dây nóng (*trên Website, điện thoại...*) tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị của cộng đồng dân cư và phản ánh của báo chí về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Qua đó những sai phạm trong công tác BVMT ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã được chấn chỉnh kịp thời.

- Các sở, ngành, địa phương đã có sự quan tâm và phối hợp ngày một chặt chẽ hơn, nâng cao hiệu quả trong công tác BVMT trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, công tác BVMT trong năm qua đã tạo được sự chuyển biến tích cực cả về nhận thức lẫn hành động, huy động được sự tham gia tích cực của người dân trong các hoạt động BVMT. Các vấn đề môi trường tồn tại phát sinh đều được người dân phản ánh kịp thời đã góp phần ngăn ngừa phát sinh các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, tình trạng gây ô nhiễm môi trường kéo dài gây bức xúc.

*** Những tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý nhà nước về BVMT trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại nhất định, như:

- Việc triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị trên địa bàn tỉnh vẫn chưa được thực hiện do thiếu nguồn vốn dẫn đến gia tăng áp lực về ô nhiễm nguồn tiếp nhận nước thải tại các sông, suối.

- Người dân đã nhận thức được lợi ích của việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, tuy nhiên việc triển khai thực hiện phân loại rác tại nguồn trên địa bàn tỉnh chỉ mới dừng lại ở các mô hình thí điểm; Các địa phương chưa triển khai đồng bộ, chuẩn hóa trang thiết bị, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật trong quá trình lưu giữ, chuyển giao, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải; chưa triển khai có hiệu quả hoạt động thu gom chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại.

- Hầu hết các CCN trên địa bàn tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, do vậy nguồn vốn để thực hiện dự án không đủ để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng CCN, như hệ thống giao thông và hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải theo quy hoạch,... nhất là chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung CCN để thu gom xử lý nước thải của các cơ sở đang hoạt động trong CCN trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Việc giám sát thực hiện các kết luận sau thanh tra, kiểm tra chưa nghiêm túc, vẫn còn tình trạng nhắc nhở nhiều lần nhưng các cơ sở không xử lý hoặc xử lý không triệt để.

- Hệ thống trang thiết bị quan trắc phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về BVMT mới chỉ đáp ứng một phần việc quan trắc theo dõi diễn biến chất lượng môi trường không khí xung quanh và môi trường nước đối với một số chỉ tiêu cơ bản; Trang thiết bị kỹ thuật mặc dù được quan tâm đầu tư, song chưa đồng bộ, nhiều trang thiết bị được đầu tư từ nhiều năm trước đã xuống cấp, lạc hậu chưa đáp ứng yêu cầu cho công tác quản lý môi trường và đòi hỏi của thực tiễn.

- Việc triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường còn chậm do thiếu nguồn lực thực hiện.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học còn khó khăn do nhiều nguyên nhân: chưa có cán bộ có chuyên môn sâu, chuyên trách về quản lý đa dạng sinh học, nguồn kinh phí cho các hoạt động điều tra, khảo sát, bảo tồn tương đối lớn nên kinh phí ngân sách chỉ đáp ứng được một phần.

- Trong bối cảnh tinh giản biên chế, tinh gọn về tổ chức, việc hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT đã và đang là khó khăn và thách thức.

- Nguồn kinh phí chi cho công tác BVMT hằng năm vẫn chưa được bổ sung thêm, chưa huy động được sự tham gia tích cực của các đơn vị sản xuất kinh doanh, cộng đồng và toàn xã hội trong việc tham gia xã hội hóa các dự án về BVMT. Chưa đa dạng được nhiều nguồn vốn cho công tác BVMT, chưa thu hút và khuyến khích được nhiều thành phần kinh tế tham gia, vốn viện trợ ODA từ nước ngoài rất ít.

*** Nguyên nhân**

- Kinh phí đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp, khu đô thị tập trung đòi hỏi nguồn kinh phí lớn, ngân sách nhà nước chưa thể cùng lúc bố trí thực hiện; việc huy động các nguồn vốn khác còn hạn chế.

- Công tác quản lý nhà nước về BVMT đối với một số khu dân cư, cơ sở sản xuất nhỏ lẻ chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền các cấp quan tâm đúng mức, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT đối với một số tổ chức, cá nhân này còn hạn chế. Các hộ sản xuất nhỏ lẻ còn gặp nhiều khó khăn trong việc đầu tư xử lý ô nhiễm nhất là những hộ sản xuất thủ công, cơ sở nằm phân tán, tự phát.

- Năng lực quản lý của cơ quan chuyên môn về BVMT còn thiếu về kinh nghiệm, năng lực và số lượng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Nhận thức một bộ phận người dân chưa cao, các phong trào BVMT chưa được duy trì thường xuyên.

3. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường trong năm

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý 86%: đạt so với Kế hoạch (86%).

- Tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch 91%: đạt so với Kế hoạch (90%).

- Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 92%: đạt so với Kế hoạch (92%).

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%: đạt so với Kế hoạch (100%).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường 84,6%: đạt so với Kế hoạch (83,5%).

- Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng 66,7% : đạt so với Kế hoạch (64,28%).

(Số liệu được cập nhật tại thời điểm báo cáo)

IX. Mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng công tác BVMT năm 2023.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Mục tiêu:

- Tiếp tục tăng cường công tác BVMT trên địa bàn tỉnh; Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đưa nhanh các chính sách mới của Luật đi vào cuộc sống.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Triển khai đồng bộ các công cụ quản lý môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ dựa trên việc phân loại theo tiêu chí về môi trường.

- Thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023; xác định cụ thể công việc, phân công trách nhiệm và giải pháp thực hiện.

b) Nhiệm vụ:

- Tổ chức thực hiện triển khai các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 để làm cơ sở triển khai thực hiện tốt công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp đồng bộ, hiệu quả các công cụ, biện pháp quản lý nhà nước về BVMT từ đánh giá tác động môi trường, giải quyết thủ tục hành chính, cấp giấy phép môi trường, thanh tra kiểm tra; tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo diễn biến chất lượng môi trường để chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ứng phó xử lý kịp thời đối với các vụ việc, sự cố môi trường phát sinh, đảm bảo các cơ sở, dự án hoạt động an toàn về môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý tốt vấn đề thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nhất là về thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Tăng cường các biện pháp quản lý, cải tạo và phục hồi chất lượng môi trường (*đất, nước, không khí...*), chú trọng triển khai Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí và Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát các đơn vị sản xuất kinh doanh có lưu lượng nguồn thải lớn (*nước thải, khí thải*) yêu cầu lắp đặt trạm quan trắc môi trường tự động, kết nối dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát theo quy định.

- Thực hiện chặt chẽ, đúng quy định về thẩm định, phê duyệt các thủ tục môi trường; Tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp và hỗ trợ cho vay với lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn của Quỹ Bảo vệ môi trường đối với các dự án ưu tiên; kiểm tra và thu hồi nợ gốc, lãi vay đúng thời gian.

- Đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Triển khai có hiệu quả các quy định về BVMT di sản thiên nhiên; thúc đẩy các hoạt động phục hồi thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về BVMT, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng trong công tác BVMT phù hợp với điều kiện của địa phương. Tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về BVMT theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tới các đối tượng thực hiện theo các hình thức phù hợp; tiếp tục phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm tốt, kịp thời khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong BVMT; thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư, người dân trong công tác BVMT.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về

BVMT; tăng cường theo dõi, giám sát các cơ sở có nguy cơ phát sinh ô nhiễm môi trường. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát các khu xử lý nước thải, chất thải rắn tập trung tại các đô thị; thực hiện nhiệm vụ quan trắc các thành phần môi trường nhằm cảnh báo cho người dân chất lượng môi trường sống và đề xuất các biện pháp khắc phục phù hợp.

2. Phương hướng nhiệm vụ công tác BVMT năm 2023.

a) Kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý:

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ về quản lý BVMT cho đội ngũ cán bộ chủ chốt và cán bộ chuyên môn các cấp.

- Kiện toàn, sắp xếp, tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường và xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, vướng mắc, phân tán trong phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước, tập trung đầu mối quản lý nhà nước về BVMT.

b) Huy động nguồn lực tài chính, xã hội hóa công tác BVMT:

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực trong xã hội tham gia BVMT về xử lý rác thải và nước thải.

- Tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực BVMT.

- Tiếp tục tìm nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Kon Tum và các đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ về BVMT theo đề xuất của ngành tài nguyên và môi trường và Ủy ban nhân dân các huyện

c) Hoàn thiện chính sách, pháp luật:

- Hoàn thiện các thể chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về BVMT theo hướng đơn giản, không chồng chéo, tập trung xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của địa phương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường của các cấp với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường của lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường.

d) Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường:

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi các quy hoạch được ban hành. Công tác BVMT trên địa bàn tỉnh được lồng ghép với việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiến hành rà soát toàn bộ các tác động đối với môi trường, các yêu cầu về công trình, biện pháp BVMT của các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường. Trong đó, tập trung rà soát các dự án đầu tư lớn, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết. Trên cơ sở đó xác định các dự án cần ưu tiên quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình vận hành.

- Giảm công tác tiền kiểm, tăng công tác hậu kiểm đối với các dự án đầu tư sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường trước khi dự án đi vào vận hành chính thức; yêu cầu, khuyến khích các doanh nghiệp có hoạt động xả nước thải ra môi trường tiếp nhận phải thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải công nghiệp tự động liên tục và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

- Rà soát quy hoạch, nhu cầu xử lý, chôn lấp, năng lực đáp ứng yêu cầu về BVMT của các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh; có kế hoạch cụ thể để nâng cấp, cải tạo, đóng cửa các cơ sở xử lý, chôn lấp chất thải không đạt yêu cầu. Song song đó, các địa phương có phương án điều phối, liên kết với các cơ sở, các bãi chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh để xử lý chất thải rắn phát sinh tại địa phương, đảm bảo đến năm 2025, trên 90% chất thải rắn phát sinh được thu gom, xử lý theo Kế hoạch số 1448/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 về triển khai lộ trình và giải pháp xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu BVMT đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 01 năm 2019 về thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Kế hoạch của UBND tỉnh: số 2532/KH-UBND ngày 30 tháng năm 2019 về triển khai Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; số 1448/KH-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 về triển khai lộ trình và giải pháp xử lý rác thải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 3547/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 3303/UBND-NNTN ngày 03 tháng 9 năm 2020 về việc tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 4680/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 triển khai thực hiện Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Tổ chức triển khai xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tổ

chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh; Phối hợp với các Bộ, ban, ngành triển khai báo cáo giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý bảo vệ các khu bảo tồn, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học và các khu vực chưa đủ điều kiện thành lập khu bảo tồn; hướng ứng, triển khai sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ về trồng 1 tỷ cây xanh...

X. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, các bộ ngành Trung ương:

- Xây dựng, hoàn thiện các thể chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo hướng đơn giản, không chồng chéo, rõ nhiệm vụ của từng ngành, phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

- Sớm ban hành các văn bản hướng dẫn, hướng dẫn kỹ thuật để triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về việc áp dụng các chính sách, cơ chế hỗ trợ vốn, khuyến khích về thuế, trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường, sản phẩm bao gói, túi xách thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông khó phân hủy, sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Khuyến khích áp dụng các cơ chế chuyển nhượng, trao đổi quyền phát thải và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

- Quan tâm tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp môi trường đảm bảo yêu cầu trong giai đoạn mới, đặc biệt là có cơ chế phù hợp và tăng chi ngân sách cho các hoạt động quản lý nhà nước về BVMT, trong đó có công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; bảo đảm bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học theo quy hoạch/kế hoạch được phê duyệt.

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường củng cố tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, tăng cường con người, trang thiết bị, phương tiện... để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất thải rắn theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh do Bộ đã thẩm định phê duyệt, đặc biệt là các dự án thủy điện.

- Tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ bố trí kinh phí từ ngân sách Trung

ương để hỗ trợ kinh phí xử lý triệt để ô nhiễm tại các cơ sở công ích, các dự án về bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu tại địa phương.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án *"Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải"* nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

- Ban hành các chính sách cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác BVMT, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể đối với các nhiệm vụ liên quan đến quản lý chất thải rắn như: phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt, quy định định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt phù hợp và kịp thời với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện; nghiên cứu ban hành hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ (*quy mô hộ gia đình*).

- Rà soát, sửa đổi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp, đồng bộ và phù hợp điều kiện thực tế tại các địa phương.

- Tăng cường sự quản lý chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để thực thi chính sách pháp luật về BVMT; Tăng cường số lượng cán bộ quản lý về BVMT ở các cấp. Đối với cán bộ chuyên môn cấp xã nên bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn về tài nguyên môi trường; không để cán bộ cấp xã kiêm nhiệm quá nhiều nhiệm vụ như hiện nay. Đồng thời cần quan tâm hơn nữa đến chất lượng đào tạo cán bộ để đáp ứng yêu cầu trong việc thực hiện công tác chuyên môn.

Trên đây là Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế và Ngân sách - HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN, KTTH, HTKT, KGVX, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm